

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/DS-ST

Ngày: 08-5-2019

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Kiên;

2. Bà Bùi Phước Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm Nhân, Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXX-DSST ngày 18 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị N, sinh năm 1962;

Địa chỉ cư trú: Đường ĐBP, khu phố NA, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Phan Thị N: Anh Dương Lê T, sinh năm 1987;

Địa chỉ cư trú: Đường BL, khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 15/01/2019); Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1970; Có mặt.

Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1967; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Đường BL, khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 01 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị N và người đại diện hợp pháp của bà trình bày:

Bà S, ông H có chơi 02 dây hội do bà N làm chủ hội gồm:

Dây hội 5.000.000 đồng/tháng, khai ngày 29/9/2013 AL, mãn hội ngày 29/5/2015AL gồm 21 phần. Bà S tham gia 01 phần, hót hội vào ngày 29/9/2013AL với số tiền 71.500.000 đồng. Bà S đóng hội chết đến tháng 3/2015 AL thì ngưng không đóng nữa nên còn nợ hội chết tháng 4, 5/2015 AL với số tiền 10.000.000 đồng.

Dây hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 02/02/2014 AL, mãn hội ngày 02/11/2015 AL gồm 22 phần. Bà S tham gia 02 phần. Bà S hót hội 01 phần vào ngày 02/02/2014 AL với số tiền 31.760.000 đồng và 01 phần hót hội vào ngày 02/6/2014AL với số tiền 33.960.000 đồng. Bà S đóng hội chết đến tháng 12/2014 thì ngưng không đóng nữa. Bà S còn nợ hội chết 12 tháng x 2.000.000 đồng/tháng x 2 phần = 48.000.000 đồng. Sau đó bà S có trả tiền hội chết 1.000.000 đồng nên dây hội này bà S còn nợ bà N số tiền 47.000.000 đồng.

Khoảng từ năm 2013 đến năm 2016 AL, không xác định thời gian cụ thể bà S có vay của bà N nhiều lần số tiền 15.000.000 đồng để đóng tiền hội. Khi vay các bên không làm giấy biên nhận nợ, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả nợ.

Đến ngày 10/11/2015AL, bà S tự viết và ký tên vào giấy xác nhận còn nợ bà N số tiền 72.000.000 đồng bao gồm tiền hội và tiền vay, trả góp 100.000 đồng/ngày cho đến khi hết nợ nhưng thực hiện không đúng cam kết. Từ ngày 10/11/2015AL cho đến nay bà S đã trả 16.400.000 đồng cho bà N, chỉ còn nợ tiền hội chết số tiền 55.600.000 đồng.

Bà S hót hội, vay tiền góp của bà N để sử dụng vào mục đích chung cho gia đình. Khi bà N đến nhà đòi tiền có gặp ông H, ông H cũng đồng ý cho bà S bán hàng ở chợ Ninh Sơn lấy tiền trả nợ cho bà N. Nay bà N yêu cầu vợ chồng bà S, ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N số tiền hội chết còn nợ là 55.600.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Chứng cứ khởi kiện bà N cung cấp cho Tòa án là bản chính danh sách hội viên chơi dây hội 2.000.000 đồng/tháng và giấy xác nhận bà S có nợ bà N số tiền 72.000.000 đồng tiền hội. Giấy tờ dây hội 5.000.000 đồng/tháng đã bị thất lạc; khoản tiền 15.000.000 đồng bà S vay nhiều lần các bên không lập giấy tờ nên bà N không cung cấp cho Tòa án.

Theo bản tự khai ngày 22/02/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Thu S trình bày:

Bà có chơi dây hụi 5.000.000 đồng/tháng và dây hụi 2.000.000 đồng/tháng do bà N làm chủ thảo. Thời gian lâu quá nên bà không nhớ ngày khui hụi, mần hụi, số tiền hụi chết đã đóng cho bà N do đã bỏ hết các giấy tờ hụi. Bà trực tiếp giao dịch hụi với bà N, không có ông H tham gia.

Bà không vay tiền của bà N nhưng có mượn tiền góp của bà N, do không có tiền góp nên đến ngày 10/11/2015AL gút lại còn nợ bà N số tiền hụi 72.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp 100.000 đồng/ngày cho đến khi hết nợ, sau này bà N đồng ý cho bà trả góp 50.000 đồng/ngày.

Khi trả tiền cho bà N, bà không ghi vào sổ theo dõi, các bên không lập giấy tờ nên bà thống nhất đã trả cho bà N số tiền 16.400.000 đồng kể từ sau ngày 10/11/2015AL cho đến nay. Bà xác định còn nợ bà N số tiền hụi chết 55.600.000 đồng và xin trả dần cho bà N, không yêu cầu ông H liên đới trả nợ.

Bà trực tiếp chơi hụi, vay tiền góp của bà N để trả nợ cho những người khác; ông H không biết. Bà và ông H chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới năm 1996, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NS, thị xã TN và hiện nay ông bà vẫn đang chung sống cùng nhau.

Tại phiên tòa bà trình bày trong trường hợp bà không trả được nợ cho bà N, ông H sẽ tiếp tục trả nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2019, bị đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày: Ông và bà S là vợ chồng có đăng ký kết hôn, hiện nay đang chung sống cùng nhau. Ông đi làm thuê lo chi phí học hành cho các con, còn bà S lo chi phí ăn uống trong gia đình. Bà S trực tiếp giao dịch hụi, vay tiền của bà N nên ông không nắm rõ. Cách nay khoảng 2-3 năm bà N có đến nhà ông đòi nợ nên ông đồng ý để bà S buôn bán ngoài chợ Ninh Sơn trả tiền cho bà N. Hiện nay ông đã biết bà S còn nợ bà N số tiền hụi 55.600.000 đồng nên ông đồng ý liên đới cùng bà S trả nợ cho bà N.

Tại phiên tòa ông H vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 479 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của

Chính phủ về hộ hui, biêu phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Thu S có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Thị N số tiền hui chết là 55.600.000 (Năm mươi lăm triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Ông H, bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Phan Thị N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Thu S trú tại phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hui 55.600.000 đồng. Do vậy xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” và Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Phan Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng người đại diện hợp pháp của bà N là anh Dương Lê T có mặt tại phiên tòa; Bị đơn ông Nguyễn Thanh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật tại Khoản 1, 2 Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự,.

[2] Về nội dung:

Xét thấy bà S không cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nhưng bà S thừa nhận trước đây có chơi 02 dây hui 2.000.000 đồng/tháng và dây hui 5.000.000 đồng/tháng, mượn tiền góp của bà N để trả nợ. Đến ngày 10/11/2015, bà S viết và ký tên trong giấy xác nhận gút lại số tiền còn nợ bà N là 72.000.000 đồng, trả góp 100.000 đồng/ngày cho đến khi hết nợ nên có đủ cơ sở xác định bà S có chơi hui, vay tiền của bà N như nguyên đơn trình bày.

Sau khi gút nợ ngày 10/11/2015, các bên thống nhất bà S đã trả cho bà N số tiền 16.400.000 đồng trong đó đã trả dứt nợ vay, hiện nay bà S còn nợ bà N số tiền hui chết là 55.600.000 đồng. Bà N không đồng ý để bà S trả dần số tiền nợ này. Việc bà S chưa trả hết tiền hui chết cho bà N là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hui theo quy định tại Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ hui, biêu phường.

Xét yêu cầu của bà N buộc ông H, bà S liên đới trả nợ: Hội đồng xét xử nhận thấy ông H, bà S trình bày ông bà chung sống với nhau từ năm 1996, sau đó có đăng ký kết hôn hiện đang chung sống với nhau cùng chăm lo cho cuộc sống chung của gia đình. Tại biên bản lời khai ngày 11/4/2019 ông H đồng ý liên đới

cùng bà S trả số tiền 55.600.000 đồng cho bà Năm. Tại phiên tòa bà S trình bày trường hợp bà không trả được nợ cho bà N thì ông H sẽ tiếp tục trả nợ cho bà N.

Từ phân tích trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N buộc ông H, bà S có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hui chết 55.600.000 đồng cho bà N. Ghi nhận bà N không yêu cầu tính lãi suất.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H, bà S phải chịu 55.600.000 đồng x 5% = 2.780.000 đồng.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1, 2 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 479 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 17, 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ hui, biên phường.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N đối với ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Thu S về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Thu S có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Phan Thị N số tiền hui còn nợ là 55.600.000 (Năm mươi lăm triệu sáu trăm nghìn) đồng. Bà N không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Phan Thị N được nhận lại số tiền 1.390.000 (Một triệu ba trăm chín mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp tại Biên lai thu số 0006530 ngày 22/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

+ Ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Thu S có nghĩa vụ liên đới chịu 2.780.000 (Hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn) đồng tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không

có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- CCTHADS TPTN;
- Dương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thị Liên